TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BIDV	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: /QĐ-HĐQT	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUY CHẾ

Quản trị nội bộ Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BIDV

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2019;
- Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 22/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/06/2022;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01/07/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 26/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV ban hành kèm theo Quyết định số …/QĐ-HĐQT ngày …/…/…;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày …/…/2025,

Để đáp ứng yêu cầu quản trị phù hợp với mô hình tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế quản trị nội bộ Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV".

Điều 2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy chế quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV ban hành kèm theo Quyết định số …/QĐ-HĐQT ngày …/…/… của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người phụ trách quản trị Tổng Công ty, Ban Tổng Giám đốc, Chánh văn phòng, Giám đốc các Ban tại Trụ sở chính, Giám đốc các Công ty thành viên/Chi nhánh, các đơn vị và cá nhân liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBCK, SGDCK;
- Website BIC;
- Lưu: VT, BTK.

QUY CHẾ
Quản trị nội bộ Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV

QUÁ TRÌNH BAN HÀNH VÀ SỬA ĐỔI:

Lần	Ngày	Tóm tắt nội dung
1.	20/5/2013	Ban hành lần đầu
2.	…/…/2020	Ban hành lần 2
3.	…/…/2021	Ban hành lần 3
4.	2025	Ban hành lần 4
5.		
6.		
7.		
8.		
9.		

MỤC LỤC

Chương I 5
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG 5
Điều 1. Mục đích 5
Điều 2. Phạm vi áp dụng 5
Điều 3. Tài liệu tham chiếu 5
Điều 4. Giải thích từ ngữ 6
Điều 5. Các nguyên tắc quản trị cơ bản 7
Điều 6. Cơ cấu quản trị Tổng Công ty 7
Chương II 7
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 7
Điều 7. Đại hội đồng cổ đông và vai trò của Đại hội đồng cổ đông trong hoạt động quản trị Tổng Công ty 7
Điều 8. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 8
Điều 9. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 8
Điều 10. Cơ cấu tổ chức và vai trò của HĐQT trong quản trị BIC 12
Điều 11. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 12
Điều 12. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị 16
Điều 13. Thành lập và hoạt động của các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 17
Chương III 18
BAN KIỂM SOÁT 18
Điều 14. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban Kiểm soát 18
Điều 15. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên 19
Chương IV 21
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH 21
Điều 16. Tổ chức bộ máy quản lý 21
Điều 17. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm Người điều hành 21
Chương V 22
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC 22
Điều 18. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc 22
Chương VI 26
KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT 26
Điều 19. Quy định về đánh giá hàng năm đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành 26
Chương VII 28
NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY 28
Điều 20. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty 28
Chương VIII 28
NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN 28
Điều 21. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 28
Điều 22. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này 29

Điều 23. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến BIC 31
Chương IX 32
CÔNG BỐ THÔNG TIN 32
Điều 24. Công bố thông tin 32
Chương X 32
XỬ LÝ VI PHẠM 32
Điều 25. Xử lý vi phạm 32
Chương XI 32
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 32
Điều 26. Điều khoản thực hiện 32

QUY ĐỊNH:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

1. Quy định nguyên tắc cơ bản về quản trị Tổng Công ty để:
   a) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (sau đây gọi là "Tổng Công ty") và người có liên quan;
   b) Thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, và người quản lý của Tổng Công ty;
   c) Đảm bảo Tổng Công ty hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ và các chuẩn mực, thông lệ trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.
2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác quản trị Tổng Công ty.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Quy chế này được áp dụng trên toàn hệ thống quản lý và hoạt động của Tổng Công ty, bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các Ban /Văn phòng tại Trụ sở chính, các Công ty thành viên/Chi nhánh và người có quyền lợi liên quan đến Tổng Công ty.

Điều 3. Tài liệu tham chiếu

1. Văn bản quy phạm pháp luật:
   a) Luật doanh nghiệp năm số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
   b) Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022;
   c) Luật chứng khoán số số 54/2019/QH14được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2019;
   d) Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01/7/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm;.
   e) Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
   f) Thông tư số số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
   g) Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 06/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
2. Văn bản quy định nội bộ của BIC:

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. "**Tổng Công ty**" hoặc "**Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV**" hoặc "**BIC**": Là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam;
2. "**BIDV**": là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, là cổ đông nắm giữ năm mươi mốt phần trăm (51%) vốn điều lệ của BIC;
3. "**FaiFax**": là Fairfax Asia Ltd, là cổ đông nắm giữ ba mươi lăm phần trăm (35%) vốn điều lệ của BIC;
4. "**ĐHĐCĐ**": Là Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV;
5. "**HĐQT**": Là Hội đồng quản trị của Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV;
6. "**Điều lệ**" hoặc "**Điều lệ Tổng Công ty**": Là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV;
7. "**Người quản lý**": bao gồm các chức danh sau: Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc CTTV/Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, các trưởng bộ phận nghiệp vụ và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác như được quy định tại Điều lệ;
8. "**Người có liên quan**": Là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 điều 4 Luật doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 của Luật chứng khoán;
9. "**Người điều hành**": bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; Giám đốc Công ty thành viên/chi nhánh; Trưởng văn phòng đại diện; trưởng các bộ phận nghiệp vụ và người điều hành khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
10. "**Thành viên HĐQT không điều hành**": là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác được HĐQT bổ nhiệm;
11. "**Ban điều hành**": là bộ phận trực tiếp tham gia vào việc điều hành và hoạt động hằng ngày của BIC gồm có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
12. "**Thành viên HĐQT độc lập**": là thành viên HĐQT đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 24 của Điều lệ;
13. "**Thư ký Hội đồng quản trị**": là người được HĐQT chỉ định làm Thư ký HĐQT với nhiệm kỳ và chức năng nhiệm vụ theo quyết định của HĐQT;
14. "**Người phụ trách quản trị Tổng Công ty**": là nhân sự được HĐQT bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả với nhiệm kỳ và chức năng nhiệm vụ do theo quyết định của HĐQT.
15. "**Bộ phận tổ chức ĐHĐCĐ**": là bộ phận được thành lập để giúp việc, điều phối các công việc trước và trong khi diễn ra ĐHĐCĐ.

16. "**Ban kiểm phiếu**": là ban có trách nhiệm kiểm phiếu và giám sát việc kiểm phiếu được thực hiện trong cuộc họp của ĐHĐCĐ hoặc phục vụ việc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Các thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp hoặc Điều lệ (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này.

Điều 5. Các nguyên tắc quản trị cơ bản

Quy chế này được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc quản trị cơ bản sau:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ;
2. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý, cơ chế quản trị và điều hành BIC hiệu quả và hướng tới áp dụng đầy đủ các thông lệ tốt và chuẩn mực quốc tế về quản trị doanh nghiệp bảo hiểm;
3. Tôn trọng và đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của cổ đông trên cơ sở đảm bảo kiểm soát một cách có hiệu quả các hoạt động kinh doanh và tài chính của Tổng Công ty;
4. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
5. Ngăn ngừa xung đột lợi ích;
6. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những Người có liên quan của BIC;
7. Minh bạch trong hoạt động của BIC, đảm bảo việc cung cấp thông tin quan trọng một cách chính xác, kịp thời;
8. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát.

Điều 6. Cơ cấu quản trị Tổng Công ty

Cơ cấu quản trị Tổng Công ty gồm có:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát; và
4. Tổng giám đốc.

Chương II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Đại hội đồng cổ đông và vai trò của Đại hội đồng cổ đông trong hoạt động quản trị Tổng Công ty

1. ĐHĐCĐ bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết của Tổng Công ty, điều hành và quản lý Tổng Công ty bằng các nghị quyết được thông qua theo hình thức biểu quyết tại các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của BIC và có quyền quyết định các vấn đề quan trọng nhất của BIC theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
3. Cổ đông của Tổng Công ty là tổ chức có sở hữu ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông được cử tối đa năm (5) người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp có nhiều hơn một (1) người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết của mỗi người đại diện theo ủy quyền

Điều 8. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do HĐQT triệu tập trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Các cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập trong một số trường hợp nhất định được quy định tại Khoản 3, 4 Điều 13 Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 9. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:
   a) Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng Công ty;
   b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty. Tổng Công ty lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không quá mười ngày (10) ngày trước ngày gửi Giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;
   c) Tổng Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:
   a) Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất hai mươi mốt ngày (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ);
   b) Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ phải được gửi cho các cổ đông và/hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận;

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ Tổng Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

a) Các cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự;

b) Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;

c) Ít nhất 15 ngày làm việc trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định ít nhất ba (03) thành viên tham gia Bộ phận tổ chức ĐHĐCĐ.

d) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp ĐHĐCĐ để cho cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến muộn nêu trên đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến muộn nêu trên tham dự sẽ không bị ảnh hưởng;

e) Cổ đông, hoặc đại diện được ủy quyền dự họp có thể đăng kí tham dự qua thư điện tử, nhưng vẫn phải mang theo và xuất trình Giấy tờ tùy thân, Giấy ủy quyền và các giấy tờ liên quan cần thiết với Bộ phận tổ chức ĐHĐCĐ để được đăng kí tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ;

f) Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền bởi các cổ đông: Cổ đông sẽ thực hiện việc ủy quyền bằng văn bản ủy quyền cho đại diện được ủy quyền dự họp theo mẫu được Tổng Công ty gửi kèm tài liệu họp. Cổ đông có thể gửi trước thông tin về văn bản ủy quyền đến Bộ phận tổ chức ĐHĐCĐ trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông như quy định tại Điều 9.3(b) nêu trên, Tổng Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ, số phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết được thu trước, số phiếu biểu quyết không tán thành nghị quyếtđược thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu biểu quyết tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến ~~phản đối, không có ý kiến, và không hợp lệ~~ sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết từng vấn đề;

b) Nội dung và hình thức của thẻ biểu quyết sẽ tuân theo quy định tại quy chế được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

c) Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ, cổ đông thực hiện biểu quyết trên thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu;

d) Trừ khi có quy định khác, cổ đông bỏ các thẻ biểu quyết vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu;

e) Việc thực hiện biểu quyết bằng hình thức từ xa, biểu quyết thông qua phương tiện điện tử thực hiện theo Quy chế bỏ phiếu từ xa được Tổng Công ty quyết định và công bố trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Bộ phận tổ chức ĐHĐCĐ sẽ phát phiếu biểu quyết riêng cho các nội dung được quyết định bởi ĐHĐCĐ để các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền thực hiện biểu quyết.

5. Cách thức kiểm phiếu:

a) ĐHĐCĐ bầu Ban kiểm phiếu, số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa;

b) Các thẻ biểu quyết "tán thành", "không tán thành", "không có ý kiến"-hoặc không hợp lệ sẽ được tổng hợp riêng. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ sẽ được chia cho tổng số quyền biểu quyết phát ra tại khâu đăng ký để xác định tỷ lệ phần trăm của từng ý kiến;

c) Đối với các trường hợp bỏ phiếu từ xa (bỏ phiếu qua thư, fax, thư điện tử) thì việc kiểm tra các thẻ biểu quyết này sẽ bao gồm việc kiểm tra tình trạng niêm phong, tính đầy đủ của thẻ biểu quyết mà việc kiểm tra này sẽ được kiểm tra và được tổng hợp cùng với các thẻ biểu quyết phát trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

d) Đối với các trường hợp bỏ phiếu bằng phương tiện điện tử phải đảm bảo gửi trước hoặc đồng thời cùng giờ với biểu quyết có liên quan tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Tính bảo mật và xác thực của cổ đông có quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ liên quan đến thẻ biểu quyết điện tử phải được xác nhận;

e) Ban kiểm phiếu sẽ có nhân sự giám sát quá trình và kết quả kiểm phiếu. Tất cả thành viên Ban kiểm phiếu sẽ ký xác nhận kết quả.

6. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Chủ tọa sẽ đọc kết quả kiểm phiếu sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu;

7. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

a) Trong trường hợp cổ đông phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì cổ đông đó phải gửi văn bản, ghi rõ họ tên và mã số dự đại hội cổ đông, ý kiến phản đối và lý do phản đối;

b) Văn bản phản đối sẽ được chuyển đến Bộ phận tổ chức ĐHĐCĐ để ghi nhận;

c) Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng Công ty có quyền yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tổng Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

8. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung quy định Khoản 1 Điều 22 Điều lệ Tổng Công ty;

b) Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực như nhau, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa và Thư ký của cuộc họp, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng;

c) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra trong vòng mười (10) ngày kể từ khi công bố biên bản họp theo quy định tại khoản 3 điều 22 của Điều lệ;

d) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp;

e) Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản;

f) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

9. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua.

10. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

a) Quy trình lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo Điều 21 Điều lệ BIC sau khi có nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc áp dụng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản;

b) Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, Hội đồng quản trị sẽ thành lập Ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu tối thiểu bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị. Trong đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị là trưởng Ban kiểm phiếu;

c) Trường hợp Điều lệ Tổng Công ty quy định việc chấp thuận phải được thực hiện thông qua hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì không được lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 10. Cơ cấu tổ chức và vai trò của HĐQT trong quản trị BIC

1. HĐQT là cơ quan quản lý BIC, do ĐHĐCĐ bầu ra, có toàn quyền nhân danh BIC để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của BIC không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Cơ cấu thành phần Hội đồng quản trị:
   a) Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo yêu cầu hoạt động của Tổng Công ty theo từng thời kỳ. Nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm. Số thành viên HĐQT phải thường trú ở Việt Nam ít nhất là hai (02) thành viên;
   b) Cơ cấu HĐQT cần đảm bảo cân đối giữa thành viên điều hành và thành viên không điều hành. Tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT phải là Thành viên HĐQT không điều hành;
   c) Cơ cấu thành viên HĐQT phải đảm bảo:
      - Có tối thiểu một (01) Thành viên HĐQT độc lập trong trường hợp Hội đồng quản trị có từ ba (03) đến năm (05) thành viên;
      - Có tối thiểu hai (02) Thành viên HĐQT độc lập trong trường hợp Hội đồng quản trị có từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;
      - Có tối thiểu ba (03) Thành viên HĐQT độc lập trong trường hợp Hội đồng quản trị có từ chín (09) đến mười một (11) thành viên

Điều 11. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị:
   a) Có quyền quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
   b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ trong ba (03) năm liên tục trước thời điểm được bầu hoặc bổ nhiệm; Không bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật tại thời điểm được bầu, bổ nhiệm;
   c) Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc trên đại học;
   d) Tối thiểu 03 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có tối thiểu 03 năm giữ vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.
2. Thành viên HĐQT chỉ được đồng thời là thành viên của hội đồng quản trị tại tối đa năm (05) công ty khác hoạt động tại Việt Nam, và không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp

hoạt động trong cùng lĩnh vực hoạt động tại Việt Nam (bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe hoặc tái bảo hiểm). Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Tổng Công ty.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên HĐQT độc lập:
   a) Các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 11 ở trên;
   b) Không phải là người đang làm việc cho BIC, công ty mẹ, công ty con của BIC; không phải là người đã từng làm việc cho BIC, công ty mẹ, công ty con của BIC ít nhất trong ba (03) năm liền trước thời điểm được bổ nhiệm;
   c) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ BIC, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
   d) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của BIC; hoặc là người quản lý của BIC hoặc công ty con của BIC;
   e) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (1%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của BIC; và
   f) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của BIC ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tiếp hai (2) nhiệm kỳ.
4. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty như sau:
   a) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu lượng cổ phần (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông) thỏa mãn điều kiện tại Khoản 2 Điều 25 Điều lệ Tổng Công ty sẽ thực hiện ứng cử, đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định Luật Doanh nghiệp như sau:
      - Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
      - Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
      - Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng cổ đông lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối

đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Hồ sơ cần thiết cho việc đề cử, ứng cử bao gồm:

+ Thư ứng cử hoặc đề cử ứng viên thành viên HĐQT;
+ Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai gồm một số thông tin sau: Thẻ Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Hộ chiếu; Trình độ học vấn; Trình độ chuyên môn; Quá trình công tác; Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; Quan hệ của ứng viên với các Người có liên quan,…; và
+ Bản sao hợp lệ của Thẻ Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/ Hộ chiếu, Hộ khẩu thường trú, các bằng cấp, giấy chứng nhận trình độ học vấn và trình độ chuyên môn.

- Đối với nhóm cổ đông: hồ sơ cần có thêm danh sách đầy đủ của nhóm cổ đông đề cử; văn bản thỏa thuận của nhóm cổ đông về việc đề cử thành viên HĐQT;

b) Ứng viên HĐQT sẽ gửi văn bản cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được cung cấp và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của BIC nếu được bầu làm thành viên HĐQT.

5. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

a) Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

b) Cổ đông có thể phân phối số phiếu để (i) bầu cho từng ứng viên theo từng số phiếu hoặc tỷ lệ cụ thể, hoặc (ii) phân phối đều cho các ứng viên được chọn. Trong trường hợp phân phối đều, cổ đông không cần điền số phiếu bầu mà chỉ cần lựa chọn các ứng viên theo cách thức quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 11 nêu trên;

c) Căn cứ vào số lượng thành viên HĐQT được phê chuẩn, Đại hội đồng cổ đông sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu và phải đảm bảo đáp ứng số lượng thành viên tối thiểu là Thành viên HĐQT độc lập và Thành viên HĐQT không điều hành theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty;

d) Các ứng viên cho Thành viên HĐQT độc lập sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập), và sau khi

đạt số lượng tối thiểu Thành viên HĐQT độc lập theo quy định, việc chọn các thành viên HĐQT còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (bao gồm các ứng viên HĐQT không độc lập và độc lập còn lại). Ứng viên trúng cử thành viên HĐQT phải có ít nhất một (01) phiếu bầu;

e) Trường hợp không có đủ số thành viên HĐQT hoặc Thành viên HĐQT độc lập thì Đại Hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng.

6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong các trường hợp quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Điều 24.7 Điều lệ.

b) Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên HĐQT sẽ được thực hiện theo nghị quyết của ĐHĐCĐ;

c) Trường hợp một thành viên HĐQT không đủ tư cách theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty hoặc không có đủ năng lực hành vi thì Tổng Công ty sẽ thu thập bằng chứng, thông tin và lập báo cáo, đề xuất để HĐQT xem xét và quyết định trình ĐHĐCĐ miễn nhiệm; hoặc

d) Đối với trường hợp từ nhiệm bởi thành viên HĐQT, thì Tổng Công ty sẽ xem xét, báo cáo để HĐQT quyết định trình ĐHĐCĐ, và việc từ nhiệm này chỉ có hiệu lực khi được thông qua bằng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

Đối với tất cả các trường hợp thay đổi thành viên HĐQT liên quan đến bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, HĐQT sẽ thực hiện thủ tục báo cáo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp theo pháp luật doanh nghiệp, pháp luật kinh doanh bảo hiểm và công bố thông tin theo pháp luật chứng khoán.

8. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:

a) Cổ đông, nhóm Cổ đông sẽ ứng cử, đề cử ứng viên HĐQT theo đúng tiêu chuẩn, điều kiện đề cập tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 11 Quy chế này và chuyển toàn bộ hồ sơ, thông tin cần thiết đến Tổng Công ty;

b) Tổng Công ty sẽ công bố các thông tin về ứng viên theo đúng quy định của pháp luật;

c) Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua ứng cử và đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm sẽ đề cử hoặc tổ chức đề cử thêm ứng viên theo cơ chế:

- Thành viên HĐQT được phân công phụ trách nhân sự có thể đề cử thêm các ứng viên cho thành viên HĐQT; và
- Các cổ đông có thể đề cử thêm các ứng viên cho thành viên HĐQT, với điều kiện là ứng viên đó phải được thông qua quy trình đánh giá của thành viên HĐQT được phân công phụ trách nhân sự; và

d) HĐQT đương nhiệm sẽ công bố quy trình đề cử ứng viên HĐQT để Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 12. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp HĐQT, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

2. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
   a) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người quản lý khác;
   b) Ít nhất hai (02) thành viên của Hội đồng quản trị; hoặc
   c) Ban kiểm soát hoặc một Thành viên HĐQT độc lập.

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị:
   a) Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó;
   b) Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và Tiếng Anh, và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu biểu quyết cho các thành viên; và
   c) Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Tổng Công ty.

4. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:
   a) Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền nếu người đại diện được ủy quyền này được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận; và
   b) Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định nêu trên, cuộc họp HĐQT này phải được triệu tập lần thứ 2 trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ 2 được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

5. Cách thức biểu quyết:
   a) Cách thức biểu quyết của các thành viên HĐQT tại cuộc họp được quy định tại Khoản 9, 10 và 13 Điều 29 Điều lệ Tổng Công ty;

b) Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết bằng cách gửi phiếu biểu quyết cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp;

6. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:

Hội đồng Quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

7. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị:

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi; và

c) Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và Tiếng Anh có hiệu lực như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

8. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị:

a) Căn cứ các nội dung, quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký ban hành các văn bản nghị quyết của HĐQT;

b) Các nghị quyết này sẽ được thông tin đến các thành viên HĐQT; và

c) Các nội dung nghị quyết thuộc phạm vi phải công bố thông tin sẽ được công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 13. Thành lập và hoạt động của các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Tùy thuộc vào sự phát triển và quy mô hoạt động của Tổng Công ty , nếu xét thấy cần thiết Hội đồng quản trị có thể thành lập các Tiểu ban Chính sách phát triển, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ, Tiểu ban Nhân sự, Tiểu ban Lương thưởng, Tiểu ban Quản lý rủi ro, và ủy quyền hoạt động cho các tiểu ban trực thuộc này. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng Quản trị đề ra**.** Cơ cấu của các tiểu ban như sau:

a) Số lượng thành viên của mỗi tiểu ban do HĐQT quyết định tại từng thời điểm, nhưng mỗi tiểu ban sẽ có có ít nhất ba (03) thành viên bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài; và

b) Các Thành viên HĐQT độc lập hoặc thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban:

a) Các thành viên trong các tiểu ban phải nắm vững những nguyên tắc cơ bản về đạo đức kinh doanh, quản lý, các nghĩa vụ theo quy định pháp luật doanh nghiệp và các quy định liên quan đến lĩnh vực của tiểu ban đó; và

b) Trưởng các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng phải là thành viên HĐQT.

3. Việc thành lập tiểu ban:

HĐQT sẽ thành lập và phê duyệt các nội dung về quyền hạn, quy trình và báo cáo của các tiểu ban.

4. Trách nhiệm của các tiểu ban và từng thành viên:

Các tiểu ban và từng thành viên của tiểu ban thực hiện các quyền hạn cụ thể được HĐQT giao theo quyết định thành lập của từng tiểu ban đó để hỗ trợ hoạt động của HĐQT.

5. Trong trường hợp Tổng Công ty không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng quản trị sẽ cử người phụ trách riêng về từng vấn đề như kiểm toán, lương, thưởng, nhân sự, quản lý rủi ro.-Việc phân công từng thành viên phụ trách từng vấn đề sẽ do Chủ tịch HĐQT quyết định.

6. Ban Kiểm toán nội bộ thuộc Hội đồng quản trị

Tùy thuộc vào sự phát triển và quy mô hoạt động của Tổng Công ty, trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị thành lập bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị. Chức năng nhiệm vụ của Kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị quy định.

Chương III
BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra. Số lượng thành viên Ban kiểm soát cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo yêu cầu hoạt động từng thời kỳ của Tổng Công ty. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Thành viên Ban kiểm soát không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty.
2. Ban kiểm soát là cơ quan thay mặt các cổ đông để giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ đối với hoạt động của HĐQT,

Ban điều hành. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật, ĐHĐCĐ trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, thành viên Ban kiểm soát được sử dụng các quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

3. Ban kiểm soát xây dựng, ban hành và thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của mình trên cơ sở những quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ.

Điều 15. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 35.2 Điều lệ cụ thể như sau:
   a) Các tiêu chuẩn tại điểm a, b Khoản 3 Điều 24 Điều lệ Tổng Công ty;
   b) Có bằng từ đại học trở lên của một trong các chuyên ngành bảo hiểm, kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
   c) Có tối thiểu 03 năm trực tiếp làm việc trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.
   d) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác; không phải là người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại BIC
   e) Không được kiêm nhiệm bất kỳ các chức danh quản lý nào của Tổng Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng Công ty;
   f) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của BIC; Không được là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của BIC trong ba (03) năm liền trước đó;
   g) Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện và tiêu chuẩn của Trưởng Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 35.3 Điều lệ cụ thể như sau:
   a) Các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều 35 Điều lệ Tổng Công ty;
   b) Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là Kiểm soát viên, người quản lý của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm khác hoạt động tại Việt Nam;
   c) Trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng tối thiểu năm (05) năm hoặc nắm giữ một trong các vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát từ tối thiểu ba (03) năm trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng;

3. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên:
   a) Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng cổ đông lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện tương tự như đề cử người vào HĐQT quy định tại khoản 4 Điều 11 Quy chế này;
   b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử

thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng Công ty quy định. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử;

- Hồ sơ cần thiết cho việc để cử hoặc ứng cử bao gồm:
  + Thư ứng cử hoặc đề cử ứng viên thành viên Ban Kiểm soát;
  + Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai gồm một số thông tin sau: Thẻ Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Hộ chiếu; Trình độ học vấn; Trình độ chuyên môn; Quá trình công tác; Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; Quan hệ của ứng viên với các Người có liên quan của Tổng Công ty;
  + Bản sao hợp lệ: Thẻ Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Hộ chiếu, Hộ khẩu thường trú các bằng cấp, giấy chứng nhận trình độ học vấn và trình độ chuyên môn; và
  + Đối với nhóm cổ đông: hồ sơ cần có thêm danh sách đầy đủ của nhóm cổ đông đề cử; văn bản thỏa thận của nhóm cổ đông về việc đề cử thành viên Ban kiểm soát.

c) Ứng viên Ban kiểm soát sẽ gửi văn bản cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được cung cấp và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của BIC nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát; và

d) Hồ sơ sẽ được gửi đến Tổng Công ty hoặc thành viên HĐQT được phân công phụ trách nhân sự Tổng Công ty.

4. Cách thức bầu Kiểm soát viên:

Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 điều 148 Luật doanh nghiệp, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

5. Các trường hợp miễn nhiệm Kiểm soát viên như quy định tại Điều 35.5 Điều lệ, cụ thể:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định của Điều lệ và Luật doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy đinh của pháp luật và Điều lệ;

6. Các trường hợp bãi nhiệm Kiểm soát viên như quy định tại Điều 35.6 Điều lệ, cụ thể:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty;

d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:

Tất cả các trường hợp thay đổi thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo các thủ tục báo cáo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp theo pháp luật doanh nghiệp, pháp luật kinh doanh bảo hiểm và công bố thông tin theo pháp luật chứng khoán.

Chương IV
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 16. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty.

Tổng Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 17. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm Người điều hành

1. Các tiêu chuẩn của Người điều hành:

a) Tổng giám đốc phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Điều lệ của Tổng Công ty; và

b) Các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Việc bổ nhiệm Người điều hành của Tổng Công ty:

a) Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc;

b) HĐQT lựa chọn và ra quyết định bổ nhiệm các Phó Tổng giám đốc trên cơ sở ý kiến đề xuất của Tổng giám đốc và ý kiến tham mưu của tiểu ban Nhân sự Hội đồng quản trị (nếu có);

c) Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số lượng nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động với Tổng giám đốc. Việc bổ nhiệm, thay đổi Tổng giám đốc Tổng Công ty phải có sự chấp thuận của

Bộ Tài chính theo đúng các quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc:

   BIC sẽ ký hợp đồng với Tổng giám đốc quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác; thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng Công ty.

4. Các trường hợp bãi nhiệm Người điều hành Tổng Công ty:

   Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc nếu Tổng giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm có quyền tranh luận với Hội đồng quản trị về việc miễn nhiệm, việc tranh luận này sẽ được tiến hành với điều kiện được ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc nếu Tổng giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị), để cho phép Tổng giám đốc bị bãi nhiệm kháng cáo trực tiếp việc bãi nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông có quyền cuối cùng để xác định việc khôi phục lại vị trí Tổng giám đốc của Tổng giám đốc bị bãi nhiệm, hoặc chấp nhận quyết định của Hội đồng quản trị về việc bãi nhiệm Tổng giám đốc. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm sẽ không có quyền tự động kháng cáo việc bãi nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông mà không nhận được sự đồng ý trước, dưới hình thức một nghị quyết bằng văn bản của Hội đồng quản trị.

5. Thông báo bổ nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành Tổng Công ty:

   Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Tổng Công ty thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin.

Chương V

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 18. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như sau:

   a) Tại các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc Người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời thêm các Phó Tổng giám đốc hoặc Người quản lý khác cùng dự họp và tham gia ý kiến (nếu có); và

   b) Chủ tịch HĐQT phải triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau đây:

      - Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty;

- Số thành viên của Hội đồng quản trị, Thành viên HĐQT độc lập, hoặc Ban kiểm soát ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật như được quy định tại Điều 24 và Điều 35 của Điều lệ;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản, mỗi bản phải được ký bởi ít nhất một cổ đông có liên quan);
- Theo yêu cầu của Ban kiểm soát; và
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty

2. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát:
   a) Nghị quyết của HĐQT phải gửi cho Ban kiểm soát để kiểm soát việc thực hiện các nội dung của nghị quyết; và
   b) Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Tổng Công ty hoặc Thư ký Hội đồng quản trị phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.
3. Tổng giám đốc:
   a) Tổng giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ, nhưng phải báo cáo bằng văn bản cho HĐQT trong thời gian sớm nhất và chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về quyết định đó; và
   b) Tổng giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của HĐQT nếu nhận định rằng quyết định này trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền lợi của cổ đông. Trong trường hợp này, Tổng giám đốc phải có báo cáo giải trình bằng văn bản ngay với HĐQT.
4. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và/hoặc những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

   Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
   a) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người quản lý doanh nghiệp khác;
   b) Ít nhất hai (02) thành viên của HĐQT; hoặc
   c) Ban kiểm soát hoặc Thành viên HĐQT độc lập.

5. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:

   Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc Đại hội đồng cổ đông.

6. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc: Định kỳ hàng quý HĐQT sẽ họp với Ban điều hành (có thể kết hợp với phiên họp HĐQT định kỳ hàng quý) để:

   a) Kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện công việc, nhiệm vụ được giao quý trước và kế hoạch triển khai công việc, nhiệm vụ trong quý tiếp theo; và

   b) Kiểm điểm việc tổ chức thực hiện nghị quyết của HĐQT và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

7. Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin bằng cách thức phù hợp cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát khi:

   a) Thành viên HĐQT yêu cầu cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và của các đơn vị trong Tổng Công ty theo đúng quy định của pháp luật; hoặc

   b) Trưởng các tiểu ban thuộc HĐQT yêu cầu bằng văn bản các nội dung thuộc quyền hạn và trách nhiệm của tiểu ban.

8. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Ban điều hành theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên:

   a) Nguyên tắc phối hợp: HĐQT và Ban điều hành phối hợp hoạt động theo nguyên tắc sau:

      - Luôn vì lợi ích chung của BIC;
      - Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và các quy định nội bộ của Tổng Công ty; và
      - Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

   b) Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Ban điều hành:

      - Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban điều hành hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do thành viên Ban điều hành chủ trì, người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT có liên quan cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Thông báo kết luận hoặc Biên bản của các cuộc họp này được gửi tới thành viên HĐQT tham dự họp và Chủ tịch HĐQT để báo cáo;
      - Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của thành viên HĐQT, Ban điều hành và các đơn vị hoặc cá nhân liên quan thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng công

việc của Tổng Công ty mà thành viên HĐQT đó được phân công thực hiện;

- Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất; và
- Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của BIC hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT trực tiếp theo dõi mảng đó.

c) Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Ban kiểm soát:

- HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình; đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban kiểm soát;
- Chủ tịch HĐQT bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp định kỳ hay bất thường của HĐQT;
- Chủ tịch HĐQT phải triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường theo đề nghị bằng văn bản của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty;
- Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban kiểm soát được quyền yêu cầu HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty; và
- Ban kiểm soát tham khảo ý kiến của HĐQT về các vấn đề được nêu trong báo cáo của Ban kiểm soát trước khi gửi ĐHĐCĐ; và

d) Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành:

- Trường hợp cần thiết, Ban điều hành có thể mời Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Ban điều hành. Khi tham dự họp, Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể góp ý kiến (nếu có); Sau khi kết thúc cuộc họp, Ban điều hành gửi cho Ban kiểm soát một (01) bản thông tin kết quả cuộc họp;
- Ban điều hành thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế này và các quy định khác có liên quan. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, Ban điều hành thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát;
- Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất;
- Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của BIC hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Ban kiểm soát;

- Kết quả giám sát và kiểm toán nội bộ cùng những kiến nghị, đề xuất (nếu có) của Ban kiểm soát được gửi tới Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành để xem xét, chỉ đạo thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện; và
- Các văn bản báo cáo của Tổng giám đốc trình HĐQT phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên HĐQT.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 19. Quy định về đánh giá hàng năm đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành

1. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành:
   a) Tùy thuộc vào quyết định của HĐQT, việc đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành có thể được thực hiện theo một hoặc một số cách thức sau:
      - Tự nhận xét, đánh giá;
      - Đánh giá hoạt động định kỳ 6 tháng;
      - Đánh giá hoạt động hàng năm được tiến hành cuối năm;
      - Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm định kỳ, đột xuất; hoặc
      - Các thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm.
   b) HĐQT đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT và các chức danh do HĐQT bổ nhiệm;
   c) Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của thành viên Ban kiểm soát; và
   d) Tổng giám đốc đánh giá hoạt động của các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm.
2. Tiêu chí đánh giá hoạt động:

   Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành gồm:
   a) Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của Tổng Công ty;
   b) Phẩm chất đạo đức và chấp hành Điều lệ Tổng Công ty, quy định nội bộ của Tổng Công ty, quy định pháp luật;
   c) Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đảm nhiệm;

d) Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý công việc, việc chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí;

e) Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị, phối hợp với các đơn vị khác và mức độ tín nhiệm với nhân viên.

3. Xếp loại đánh giá:

a) Căn cứ vào kết quả đánh giá, việc xếp loại thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và Ban điều hành được phân thành bốn loại sau:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Hoàn thành nhiệm vụ; và
- Không/chưa hoàn thành nhiệm vụ.

b) Các văn bản đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và Ban điều hành phải được lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của thành viên đó tại BIC.

4. Khen thưởng:

a) Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành có thành tích trong quản trị, điều hành BIC và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định của Tổng Công ty; và

b) Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế thi đua khen thưởng của BIC tại từng thời điểm.

5. Kỷ luật:

a) Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ và/hoặc các quy định, quy chế nội bộ thì tùy tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và của BIC;

b) HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm. Tổng giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm; và

c) Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ thực hiện theo các quy định về xử lý kỷ luật của BIC và quy định của pháp luật lao động.

Chương VII

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 20. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty

1. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều 31.2 Điều lệ:
2. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty:

   HĐQT bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Tổng Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng Công ty được tiến hành một cách hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng Công ty do HĐQT quyết định, tối đã không quá (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Tổng Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 31.3 Điều lệ.
4. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty:

   HĐQT có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty khi cần nhưng không trái với quy định pháp luật về lao động.
5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty**:**

   Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.

Chương VIII

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

Điều 21. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các Người điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của pháp luật.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, các Người điều hành khác, và Người có liên quan khác của những thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những Người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng Công ty chịu trách nhiệm thực hiện công bố thông tin về các Nghị quyết, Quyết định này theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc Người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, các Người điều hành khác và những Người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng Công ty hoặc tiết lộ những thông tin này cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:
   a) Các giao dịch giữa Tổng Công ty với công ty trong đó thành viên nêu trên là cổ đông sáng lập hoặc là thành viên hội đồng quản trị, hoặc Giám đốc/Tổng giám đốc trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; hoặc
   b) Các giao dịch giữa Tổng Công ty với công ty trong đó Người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn.

Điều 22. Công khai, báo cáo các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Tổng Công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

3. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Tổng Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Tổng Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê

khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty;

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

Điều 23. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Tổng Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và Người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.
2. Tổng Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và Người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân theo quy định tại Khoản 2 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.
3. Tổng Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Người có liên quan của cổ đông là tổ chức theo quy định tại Khoản 3 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.
4. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:

a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại Điều 42 Điều lệ Tổng Công ty.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan như sau:

a) Các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 4 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản của BIC trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính BIC gần nhất.

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị không lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa BIC và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Trường hợp này, Tổng giám đốc phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản

trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

6. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 5 Điều này;
b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa BIC và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, Tổng giám đốc phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. Đối với trường hợp lấy ý kiến tại cuộc họp, Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, Hợp đồng hoặc giao dịch thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

7. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

8. Tổng công ty công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến BIC

1. Tổng Công ty thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Tổng Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổng Công ty.
2. Tổng Công ty nghiêm túc tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

Chương IX
CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 25. Công bố thông tin

HĐQT, Tổng giám đốc có trách nhiệm xây dựng, ban hành quy định và tổ chức công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của Tổng Công ty.

Chương X
XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 26. Xử lý vi phạm

1. Khi thấy bất kỳ cán bộ, nhân viên nào của Tổng Công ty (bao gồm cả các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành) có hành vi vi phạm Quy chế này, người phát hiện hành vi vi phạm của đối tượng trên phải thông báo ngay cho Chủ tịch HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát.

2. Mọi trường hợp vi phạm Quy chế này sẽ được HĐQT xem xét và xử lý theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng Công ty. Trong trường hợp hành vi vi phạm của người đó gây thiệt hại cho BIC, người vi phạm có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Tổng Công ty theo quy định hiện hành.

Chương XI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Điều khoản thực hiện

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông thông qua và HĐQT ban hành.
2. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy chế này, sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật và quy định khác của Tổng Công ty. Khi có những nội dung nào trong Quy chế này trái với quy định của pháp luật, thì những nội dung đó đương nhiên hết hiệu lực và thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Ngoài việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ và các quy định khác của BIC, việc quản trị, quản lý và điều hành đối với BIC phải tuân thủ và tuân thủ các quy định có liên quan được quy định tại Thỏa thuận cổ đông đã được ký kết bởi BIDV, Fairfax và BIC ngày 4/5/2015.